

Số: 51/NQ-HĐND

Mai Sơn, ngày 16 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Nhà nước năm 2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN
KHÓA XXI, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự ngày 11/01/2022;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 30/10/2020 của HĐND tỉnh Sơn La về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh Sơn La ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào

dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số 2616/QĐ-UBND ngày 06/12/2024 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025;

Xét Tờ trình số 411/TTr-UBND ngày 06/11/2024 của UBND huyện; Báo cáo số 102/BC-KTXH ngày 10/12/2024 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và thảo luận tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Nhà nước năm 2025 với những nội dung sau:

1. Tổng kế hoạch vốn

Tổng kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách Nhà nước năm 2025 là: **104.660,0** triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách địa phương: **57.608,0** triệu đồng, gồm:
 - + Nguồn vốn bổ sung cân đối được phân cấp: **19.040,0** triệu đồng.
 - + Ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (*nguồn thu xổ số kiến thiết*): **4.548,0** triệu đồng.
 - + Nguồn thu tiền sử dụng đất: **34.020,0** triệu đồng (*HĐND huyện giao 42.000,0 triệu đồng; điều tiết về tỉnh (10%): 4.200,0 triệu đồng; ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp (90%): 37.800,0 triệu đồng, trong đó: Bố trí 10% thực hiện các nội dung khác như công tác đo đạc, đăng ký đất đai,... là 3.780,0 triệu đồng, còn lại 34.020,0 triệu đồng phân bổ thực hiện các dự án đầu tư*).
- Nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: **47.052,0** triệu đồng, gồm:
 - + Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: **23.835,0** triệu đồng;
 - + Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: **23.217,0** triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số I kèm theo)

2. Nguyên tắc phân bổ vốn

Thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, các Nghị định hướng dẫn thi hành, Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 11/CT-UBND ngày 08/6/2023 của UBND tỉnh về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 và Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2023-2026. Trong từng nguồn vốn việc phân bổ vốn đảm bảo thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 18/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày

14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 02/11/2020 của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 33/2022/NQ-HĐND ngày 29/6/2022 của HĐND tỉnh Sơn La ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3. Phương án phân bổ

Kế hoạch vốn đề nghị phân bổ chi tiết: **77.993,0** triệu đồng, trong đó:

3.1. Nguồn vốn ngân sách địa phương

Tổng kế hoạch vốn đề nghị phân bổ: **33.588,0** triệu đồng, cụ thể từng nguồn vốn như sau:

- Nguồn bổ sung cân đối được phân cấp: **19.040,0** triệu đồng phân bổ thực hiện các dự án chuyển tiếp.

- Nguồn thu tiền sử dụng đất: **10.000,0** triệu đồng phân bổ thực hiện các dự án chuyển tiếp.

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM (nguồn thu xổ số kiến thiết): **4.548,0** triệu đồng.

- + Phân bổ thực hiện các dự án chuyển tiếp: 1.022,29 triệu đồng;

- + Phân bổ thực hiện các dự án khởi công mới: 3.525,71 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số II, III, IV kèm theo)

3.2. Nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

Tổng kế hoạch vốn đề nghị phân bổ: **44.405,0** triệu đồng, cụ thể từng nguồn vốn như sau:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: **21.188,0** triệu đồng; trong đó:

- + Thực hiện Nội dung 3 (Nước sinh hoạt tập trung) thuộc Dự án 1 (Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt): 4.516,0 triệu đồng (các dự án khởi công mới).

+ Thực hiện Dự án 4 (Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ đời sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc): 17.367,0 triệu đồng, trong đó: Phân bổ thực hiện các dự án chuyển tiếp: 6.445,57 triệu đồng; Phân bổ thực hiện các dự án khởi công mới: 10.921,43 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: **23.217,0** triệu đồng.

+ Phân bổ thực hiện các dự án chuyển tiếp: 11.657,13 triệu đồng;

+ Phân bổ thực hiện các dự án khởi công mới: 11.559,87 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục số V, VI kèm theo)

4. Để lại phân bổ chi tiết sau: 26.667,0 triệu đồng

- Nguồn vốn ngân sách địa phương: **24.020,0** triệu đồng (nguồn thu tiền sử dụng đất), UBND huyện sẽ trình HĐND huyện phân bổ theo tiến độ thu.

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: **2.647,0** triệu đồng (Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu HĐND huyện giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết đã được HĐND huyện Mai Sơn khoá XXI, Kỳ họp thứ chín thông qua ngày 16 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Thường trực huyện uỷ;
- Thường trực HĐND huyện;
- Lãnh đạo UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các vị Đại biểu HĐND huyện;
- Các phòng, ban, đơn vị, đoàn thể của huyện;
- Đảng uỷ, HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Công thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Việt Cường

Phụ lục I

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 16/12/2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đã giao đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025 được cấp có thẩm quyền giao	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	516.932,50	365.727,50	104.660,00	104.660,00	
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	273.395,50	177.579,50	57.608,00	57.608,00	
I	Nguồn bổ sung trong cân đối được phân cấp	101.630,00	74.250,00	19.040,00	19.040,00	
1	Các dự án chuyển tiếp				19.040,00	Chi tiết tại Phụ lục II
II	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	153.595,50	89.707,50	34.020,00	34.020,00	
1	Phân bổ thực hiện các dự án chuyển tiếp				10.000,00	Chi tiết tại Phụ lục III
2	Phân bổ chi tiết sau				24.020,00	Phân bổ sau theo tiến độ thu
III	Ngân sách tỉnh hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (Nguồn xổ số kiến thiết)	18.170,00	13.622,00	4.548,00	4.548,00	Chi tiết tại Phụ lục IV
1	Các dự án chuyển tiếp				1.022,29	
2	Dự án khởi công mới năm 2024				3.525,71	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	243.537,00	188.148,00	47.052,00	47.052,00	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	148.055,00	116.831,00	23.835,00	23.835,00	
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	27.681,00	20.204,65	6.094,00	6.094,00	
1.1	Nội dung 1: Hỗ trợ đất ở	3.680,00	720,00		1.578,00	Phân bổ sau
1.2	Nội dung 2: Hỗ trợ nhà ở	960,00	960,00			
1.3	Nội dung 3: Nước sinh hoạt tập trung	23.041,00	18.524,65	4.516,00	4.516,00	
1.3.1	Phân bổ thực hiện các công trình khởi công mới				3.821,00	Chi tiết tại Phụ lục V
1.3.2	Phân bổ chi tiết sau				695,00	Phân bổ sau
2	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ đời sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	119.238,00	95.921,35	17.367,00	17.367,00	
2.1	Các dự án chuyển tiếp				6.445,57	Chi tiết tại Phụ lục V
2.2	Dự án khởi công mới năm 2025				10.921,43	

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch đã giao đến hết năm 2024	Kế hoạch năm 2025 được cấp có thẩm quyền giao	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
3	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	1.136,00	705,00	374,00	374,00	Phân bổ sau
II	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	95.482,00	71.317,00	23.217,00	23.217,00	
1	Các dự án chuyển tiếp				11.657,13	Chi tiết tại Phụ lục VI
2	Các dự án khởi công mới năm 2024				11.559,87	

Phụ lục II
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN BỔ SUNG CÂN ĐỐI ĐƯỢC PHÂN CẤP
(Kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 16/12/2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Lũy kế kế hoạch vốn đã phân bổ đến hết năm 2024 (nguồn bổ sung cân đối được phân cấp)	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án	Dự kiến kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn bổ sung cân đối được phân cấp				
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Nguồn bổ sung cân đối được phân cấp						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG SỐ					232.340,00	32.447,01	216.884,28	32.446,83	8.208,24	24.198,99	19.040,00	
I	Dự án chuyển tiếp					232.340,00	32.447,01	216.884,28	32.446,83	8.208,24	24.198,99	19.040,00	
*	Trụ sở các cơ quan nhà nước					185.590,00	13.027,75	170.134,28	13.027,57	5.655,97	7.371,60	7.371,60	
1	Trụ sở các cơ quan Chính trị - Hành chính huyện Mai Sơn	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	TT Hát Lót	2018-2025	1751-16/08/2018	185.590,00	13.027,75	170.134,28	13.027,57	5.655,97	7.371,60	7.371,60	
*	Công trình giao thông					2.250,00	2.250,00	2.250,00	2.250,00	4,40	2.206,00	2.206,00	
1	Điểm đầu nối tuyến nhánh Quốc lộ 37 với đường QL 6 cũ tại tiểu khu 3, xã Cò Nòi	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Xã Cò Nòi	2021-2025	1173 - 28/5/2021	2.250,00	2.250,00	2.250,00	2.250,00	4,40	2.206,00	2.206,00	
*	Công trình công cộng tại đô thị					6.000,00	2.890,00	6.000,00	2.890,00	2.210,66	679,34	679,34	
1	Khuôn viên xây xanh tiểu khu 4 thị trấn Hát Lót	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	TT Hát Lót	2024-2026	828-6/5/2023	6.000,00	2.890,00	6.000,00	2.890,00	2.210,66	679,34	679,34	
*	Các dự án khác					38.500,00	14.279,26	38.500,00	14.279,26	337,21	13.942,05	8.783,06	
1	Khu tái định cư Di tích lịch sử Ngã ba Cò Nòi	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	Xã Cò Nòi	2022-2025	1221-13/6/2022	8.500,00	2.413,00	8.500,00	2.413,00	205,76	2.207,24	2.207,24	
2	Hội trường trung tâm Chính trị - Hành Chính huyện Mai Sơn	Ban QLDA ĐTXD và TĐC	TT Hát Lót	2022-2025	1152-31/5/2022	30.000,00	11.866,26	30.000,00	11.866,26	131,45	11.734,81	6.575,82	

Phụ lục III
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT
(Kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 16/12/2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Lũy kế kế hoạch vốn đã phân bổ đến hết năm 2024 (Nguồn thu tiền sử dụng đất)	Dự kiến kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư						
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Nguồn thu tiền sử dụng đất					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ					206.820,00	203.377,00	191.364,28	119.787,39	64.019,29	10.000,00	
I	Dự án chuyển tiếp					206.820,00	203.377,00	191.364,28	119.787,39	64.019,29	10.000,00	
*	Trụ sở cơ quan nhà nước					185.590,00	185.590,00	170.134,28	102.000,39	55.818,29	5.300,00	
1	Trụ sở các cơ quan Chính trị - Hành chính huyện Mai Sơn	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Thị trấn Hát Lót	2018-2025	1751-16/08/2018	185.590,00	185.590,00	170.134,28	102.000,39	55.818,29	5.300,00	
*	Các dự án khác					21.230,00	17.787,00	21.230,00	17.787,00	8.201,00	4.700,00	-
1	Cơ sở hạ tầng Lô 7A khu đô thị mới xã Cò Nòi (chợ xép)	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Mường Chanh	2023-2025	3412-12/10/2023	1.230,00	200,00	1.230,00	200,00		200,00	
2	Khu TĐC Dự án Trung tâm Chính trị - Hành chính huyện và các dự án khác	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Thị trấn Hát Lót	2021-2025	1210-28/08/2021	11.500,00	11.500,00	11.500,00	11.500,00	8.201,00	2.000,00	
3	Khu Tái định cư di tích lịch sử ngã 3 cò Nòi	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Cò Nòi	2022-2025	1221-13/6/2022	8.500,00	6.087,00	8.500,00	6.087,00		2.500,00	

Phụ lục IV
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NGÂN SÁCH TỈNH
HỖ TRỢ THỰC HIỆN CTMTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 16/12/2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Lũy kế kế hoạch vốn đã phân bổ đến hết năm 2024 (Nguồn xổ số kiến thiết ngân sách tỉnh)	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án	Dự kiến kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Nguồn xổ số kiến thiết ngân sách tỉnh				
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Nguồn xổ số kiến thiết ngân sách tỉnh						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11		12	13
	TỔNG SỐ					15.581,00	6.565,71	15.581,00	6.565,71	1.872,00	4.548,00	4.548,00	
I	Dự án chuyển tiếp					5.661,00	3.040,00	5.661,00	3.040,00	1.872,00	1.022,29	1.022,29	-
*	Công trình nước sinh hoạt					1.000,00	500,00	1.000,00	500,00	132,00	368,00	368,00	
1	Nước sinh hoạt bản Bông xã Mường Chanh huyện Mai Sơn	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Mường Chanh	2023-2025	358-31/01/2021	1.000,00	500,00	1.000,00	500,00	132,00	368,00	368,00	
*	Công trình giao thông					4.661,00	2.540,00	4.661,00	2.540,00	1.740,00	654,29	654,29	
1	Rãnh thoát nước dọc tuyến đường trung tâm xã	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Ban	2023-2025	1075-16/6/2023	2.700,00	1.540,00	2.700,00	1.540,00	1.240,00	154,29	154,29	
2	Đường giao thông đến bản Thống Nhất	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Mường Bon	2024-2025	3675-10/11/2023	1.961,00	1.000,00	1.961,00	1.000,00	500,00	500,00	500,00	
II	Dự án khởi công mới					9.920,00	3.525,71	9.920,00	3.525,71	-	3.525,71	3.525,71	
*	Công trình giao thông					9.920,00	3.525,71	9.920,00	3.525,71	-	3.525,71	3.525,71	
1	Đường đến bản Tong Chiềng - Huổi Hải, xã Chiềng Chăn	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chăn	2025	2613 ngày 28/11/2024	4.800,00	1.326,00	4.800,00	1.326,00		1.326,00	1.326,00	
2	Đường trục, liên bản Khoa, xã Chiềng Chung	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chung	2025	2623 ngày 29/11/29024	1.920,00	500,00	1.920,00	500,00		500,00	500,00	
3	Đường nội bản Khoa, xã Chiềng Chung	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chung	2025	2621 ngày 28/11/2024	3.200,00	1.699,71	3.200,00	1.699,71		1.699,71	1.699,71	

Phụ lục V

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI

(Kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 16/12/2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2024 (Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án	Dự kiến kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				
1	2	3	4	5	6	7	8	9		10	11
	TỔNG SỐ					41.652,11	39.571,00	18.001,22	21.381,57	21.188,00	
A	DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP					25.930,00	24.635,00	18.001,22	6.445,57	6.445,57	
I	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc					25.930,00	24.635,00	18.001,22	6.445,57	6.445,57	-
I.1	Đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn					21.300,00	20.235,00	15.620,51	4.426,28	4.426,28	
*	Công trình dân dụng					2.400,00	2.280,00	2.030,01	183,58	183,58	
1	Công trình Nhà Văn hóa xã Chiềng Ve	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Ve	2024-2025	3784 ngày 23/11/2023	2.400,00	2.280,00	2.030,01	183,58	183,58	
*	Công trình giao thông					18.900,00	17.955,00	13.590,50	4.242,70	4.242,70	
1	Đường nội bản bản Nghịu Cọ xã Chiềng Dong	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Dong	2024-2025	3818 ngày 28/11/2023	1.000,00	950,00	844,96	48,51	48,51	
2	Công trình Đường nội bản Pá Liềng, xã Phiềng Păn	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Phiềng Păn	2024-2025	3808 ngày 24/11/2023	3.200,00	3.040,00	2.450,00	524,73	524,73	
3	Cầu treo bản Hộc đi khu Xóm Châu và bản Mường, xã Tà Hộc	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Tà Hộc	2024-2025	1191 ngày 21/6/2024	3.200,00	3.040,00	2.352,04	687,96	687,96	
4	Đường từ bản Nhụng dưới đến bản Bằng Ban, xã Chiềng Nọi	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Nọi	2024-2025	1190 ngày 21/6/2024	11.500,00	10.925,00	7.943,50	2.981,50	2.981,50	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2024 (Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án	Dự kiến kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				
I.2	Cải tạo, nâng cấp mạng lưới chợ vùng ĐBDTTS&MN					4.630,00	4.400,00	2.380,71	2.019,29	2.019,29	
*	Thương mại					4.630,00	4.400,00	2.380,71	2.019,29	2.019,29	
1	Công trình đầu tư chợ xã Phiêng Cầm huyện Mai Sơn	BQLDA ĐTXD & TĐC	Xã Phiêng Cầm		691 ngày 20/5/2024	4.630,00	4.400,00	2.380,71	2.019,29	2.019,29	
2	Đầu tư CSHT trên địa bàn bản ĐBKk					1.840,00	1.748,00	853,00	540,90	540,90	
*	Công trình dân dụng					1.000,00	950,00	475,00	450,60	450,60	
1	Công trình Nhà Văn Hóa bản Yên Bình (cầu đường), Chiềng Chăn	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chăn	2024-2025	3788 ngày 23/11/2023	1.000,00	950,00	475,00	450,60	450,60	
*	Công trình giao thông					840,00	798,00	378,00	90,30	90,30	
1	Cầu tràn bản Ít Hò, xã Chiềng Chung	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chung	2024-2025	1178 ngày 20/6/2024	840,00	798,00	378,00	90,30	90,30	
B	DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2025					15.722,11	14.936,00	-	14.936,00	14.742,43	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt					4.022,11	3.821,00	-	3.821,00	3.821,00	
1	Nội dung 03: Nước sinh hoạt tập trung					4.022,11	3.821,00	-	3.821,00	3.821,00	
1.1	Sửa chữa, nâng cấp Công trình cấp nước sinh hoạt bản Hua Bó	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Phiêng Păn	2025	2740 ngày 12/12/2024	1.263,16	1.200,00		1.200,00	1.200,00	
1.2	Sửa chữa, nâng cấp Công trình cấp nước sinh hoạt bản Nà Nhụng	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Phiêng Păn	2025	2741 ngày 12/12/2024	1.748,42	1.661,00		1.661,00	1.661,00	
1.3	Công trình NSH tập trung bản Nà Un	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Nà ọt	2025	2742 ngày 12/12/2024	1.010,53	960,00		960,00	960,00	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2024 (Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi)	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án	Dự kiến kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi				
II	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc					11.700,00	11.115,00	-	11.115,00	10.921,43	
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng trên địa bàn xã ĐBKK					11.700,00	11.115,00	-	11.115,00	10.921,43	
*	Công trình dân dụng					1.000,00	950,00	-	950,00	950,00	
1	Công trình nhà văn hóa bản Mường, Tà Hộc	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Tà Hộc	2025	2551 ngày 21/11/2024	1.000,00	950,00		950,00	950,00	
*	Công trình giao thông					10.700,00	10.165,00	-	10.165,00	9.971,43	
1	Công trình Cầu qua suối bản Hua Nà, xã Phiêng Cầm	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Phiêng Cầm	2025	2538 ngày 20/11/2024	1.500,00	1.425,00		1.425,00	1.425,00	
2	Công trình Cầu qua suối Hạc, bản Pơn, xã Tà Hộc	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Tà Hộc	2025	2590 ngày 26/11/2024	1.500,00	1.425,00		1.425,00	1.425,00	
3	Công trình Đường đi vào khu sản xuất bản Tường Chung, xã Chiềng Chung	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chung	2025	2629 ngày 29/11/2024	600,00	570,00		570,00	570,00	
4	Đường giao thông liên bản Bằng Ban đi bản Sài Khao, xã Chiềng Nơ	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Nơ	2025	2743 ngày 12/12/2024	7.100,00	6.745,00		6.745,00	6.551,43	

Phụ lục VI

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

(Kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 16/12/2024 của HĐND huyện Mai Sơn)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2024 (Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới)	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án	Dự kiến kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới				
1	2	3	4	5	6	7	8	9		10	11
	TỔNG SỐ					60.633,94	46.739,80	22.471,60	23.534,12	23.217,00	
I	Dự án chuyển tiếp					43.913,94	34.862,81	22.471,60	11.657,13	11.657,13	
*	Công trình dân dụng					13.695,00	11.175,50	7.354,00	3.393,46	3.393,46	
1	Trường mầm non Chiềng Chung. Hạng mục: Nhà lớp học 6 phòng điểm trung tâm (bản Ngịu)	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chung	2023-2025	1076-16/6/2023	6.000,00	5.700,00	4.054,00	1.367,83	1.367,83	
2	Trường Mầm non Nà Bó 4 phòng học	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Nà Bó	2023-2025	1082-16/6/2023	4.500,00	3.050,00	2.350,00	558,13	558,13	
3	Nhà văn hóa bản Mây xã Chiềng Chung	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chung	2024-2025	3799 24/11/2023	1.000,00	950,00	500,00	442,00	442,00	
4	Nhà văn hoá bản Tân Thảo, xã Cò Nòi	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Cò Nòi	2024-2026	1185 ngày 21/6/2024	1.000,00	900,00	450,00	450,00	450,00	
5	Sửa chữa, nâng cấp Nhà Văn hoá xã thành Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA ĐTXD và TĐC huyện	Xã Hát Lót	2024-2025	1170 - 19/6/2024	1.195,00	575,50		575,50	575,50	
*	Công trình giao thông					13.373,94	9.915,46	4.759,94	4.923,05	4.923,05	
1	Đường đến bản Nhất Bó Lạnh đi bản Phát Nam (đường từ bản Thống Nhất cũ đi bản Phát cũ)	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Sung	2023-2025	1067-15/6/2023	3.371,94	3.038,00	2.138,00	824,92	824,92	
2	Đường nội bản bản Phường	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chăn	2024-2025	3803 ngày 24/11/2023	2.951,00	2.657,04	914,03	1.683,00	1.683,00	
3	Đường nội bản bản Hùn	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chăn	2024-2025	3806 ngày 24/11/2023	1.760,00	1.583,52	792,52	771,00	771,00	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2024 (Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới)	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án	Dự kiến kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới				
4	Đường nội bản Chiềng Đen, xã Chiềng Chăn	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chăn	2024-2025	1186 ngày 21/6/2024	2.080,00	1.372,00	450,00	877,00	877,00	
5	Đường giao thông đến bản Thống nhất Mường Bon	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Mường Bon	2024-2025	3675 ngày 10/11/2023	1.961,00	764,90	465,39	267,13	267,13	
6	Đường nội bản bản Hóm - Bản Phúc Lợi	Ban QLDA ĐTXD và TĐC huyện	Xã Mường Chanh	2024-2025	1176 - 19/6/2024	1.250,00	500,00		500,00	500,00	
*	Công trình hạ tầng kỹ thuật					16.845,00	13.771,85	10.357,67	3.340,62	3.340,62	
1	Công trình điện cho các hộ sử dụng không an toàn tại các xã	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	4 Xã	2022-2025	2491- 21/11/2022	9.300,00	8.520,60	7.221,00	1.299,60	1.299,60	
2	Kênh thoát lũ từ khu đô thị sang suối cạn bản Cò Nòi, xã Cò Nòi	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Cò Nòi	2023-2025	1068- 16/6/2023	2.340,00	2.106,00	1.605,67	500,33	500,33	
3	Rãnh thoát nước bản Phiêng Khoài Tong Chanh	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Ban	2024-2025	3793 ngày 24/11/2023	700,00	629,91	329,91	253,37	253,37	
4	Rãnh thoát nước bản Mai Khoang	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Ban	2024-2025	3794 ngày 24/11/2023	700,00	629,94	329,94	273,07	273,07	
5	Hệ thống rãnh thoát nước tuyến đường Yên Tiến - Nà Cang, xã Hát Lót	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Há Lót	2024-2025	1187 ngày 21/6/2024	3.805,00	1.885,40	871,15	1.014,25	1.014,25	
II	Dự án khởi công mới năm 2025					16.720,00	11.876,99	-	11.876,99	11.559,87	
*	Công trình dân dụng					1.000,00	900,00	-	900,00	900,00	
1	Trường TH-THCS Chiềng Chăn. Hạng mục nhà lớp học 01 tầng, 01 phòng điểm trường Huổi Hải	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chăn	2025	2739 ngày 12/12/2024	1.000,00	900,00		900,00	900,00	
*	Công trình giao thông					12.224,00	7.731,79	-	7.731,79	7.414,67	-
1	Đường đến bản Tong Chiềng - Huổi Hải, xã Chiềng Chăn	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chăn	2025	2613 ngày 28/11/2024	4.800,00	2.994,00		2.994,00	2.676,88	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2024 (Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới)	Nhu cầu vốn để hoàn thành dự án	Dự kiến kế hoạch năm 2025	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
						Tổng tất cả các nguồn vốn	Trong đó: Vốn NSTW thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới				
2	Đường nội bản Sy, xã Chiềng Chăn	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chăn	2025	2614 ngày 28/11/2024	1.600,00	1.440,00		1.440,00	1.440,00	
3	Đường ngõ Huổi Niêng Ò, xã Hát Lót	UBND xã Hát Lót	Xã Hát Lót	2025	191 ngày 03/12/2024	249,00	224,00		224,00	224,00	
4	Đường bản Cang Mường - Pom Chằm - Phúc Lợi, xã Mường Chanh	UBND xã Mường Chanh	Xã Mường Chanh	2025	176 ngày 09/12/2024	455,00	409,50		409,50	409,50	
5	Đường trục, liên bản Khoa, xã Chiềng Chung	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chung	2025	2623 ngày 29/11/29024	1.920,00	1.324,00		1.324,00	1.324,00	
6	Đường nội bản Khoa, xã Chiềng Chung	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chung	2025	2621 ngày 28/11/2024	3.200,00	1.340,29		1.340,29	1.340,29	
*	Công trình phục vụ nông nghiệp và PTNT					3.496,00	3.245,20	-	3.245,20	3.245,20	-
1	Kênh mương bản Pom Chằm, bản Đen, xã Mường Chanh	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Mường Chanh	2025	2601 ngày 26/11/2024	1.520,00	1.368,00		1.368,00	1.368,00	
2	Kênh mương bản Ten - Khoa - Hạm - Máy, xã Chiềng Chung	Ban Quản lý DA ĐTXD và TĐC	Xã Chiềng Chung	2025	2600 ngày 26/11/2024	1.976,00	1.877,20		1.877,20	1.877,20	